

**PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU VỀ MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG DỤNG CNTT
CHO UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ**

NĂM: 2017

*(Kèm theo Công văn số: 228/UBND-TH ngày 30 tháng 3 năm 2018
của UBND huyện Hải Lăng)*

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Huyện, Thị xã, Thành phố: Huyện Hải Lăng
2. Tổng số các phòng, ban: 12
3. Tổng số phường, xã: 20
4. Tổng số CBCCV trong Huyện: 492
5. Tổng số thủ tục hành chính đã được thống kê theo Đề án 30: 324
6. Ở Văn phòng UBND Huyện, Thị xã, Thành phố: 70

B. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT

1. Tổng số máy tính trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố: 480
2. Tổng số máy tính trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố có kết nối Internet băng rộng: 479
- Tổng số CQNN kết nối mạng LAN: 22
- Tổng số máy tính có kết nối mạng LAN: 479
- Tổng số máy tính có kết nối Internet: 479
3. Tổng dung lượng của băng thông rộng:
4. Tổng số máy chủ: 2
5. Số lượng các thiết bị mạng:
 - a. Switch: 23
 - b. Modem: 22
 - c. Router:
 - d. Tủ Rack:
 - e. Thiết bị chống sét:
 - f. Thiết bị tường lửa (firewall):
6. Kết nối với các đơn vị trực thuộc, địa phương: có
7. Tổng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho hạ tầng kỹ thuật CNTT trong năm: 1.700 triệu đồng (*yêu cầu gửi kèm tài liệu kiểm chứng*)-*mua sắm phần cứng*
+ Kinh phí thường xuyên của địa phương:triệu đồng
+ Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho CNTT (gồm ngân sách địa phương và của Tỉnh): 1.700 triệu đồng
8. Kinh phí từ nguồn khác:.....triệu đồng

C. HẠ TẦNG NHÂN LỰC CNTT

1. Tổng số các trường tiểu học: 21

- 1.2. Số trường tiểu học có giảng dạy tin học: 21
- 1.3. Số trường tiểu học có kết nối Internet: 21
2. Tổng số các trường THCS: 19
 - 2.1. Số trường THCS có giảng dạy tin học: 19
 - 2.2. Số trường THCS có kết nối Internet: 19
3. Tổng số các trường THPT: 03
 - 3.1. Số trường THPT có giảng dạy tin học: 03
 - 3.2. Số trường THPT có kết nối Internet: 03
4. Tổng số cán bộ công chức, viên chức trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố có bằng cấp từ Cao đẳng CNTT trở lên: 03
5. Tổng số cán bộ công chức, viên chức trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố biết sử dụng máy tính trong công việc: 492
6. Tổng số cán bộ CNTT chuyên trách trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố: 03

Trong đó: Trung cấp:
Cao đẳng, đại học: 03
Trên đại học:
7. Tổng chi ngân sách nhà nước cho đào tạo CNTT trong năm: 0 triệu đồng
(yêu cầu gửi kèm tài liệu kiểm chứng)

D. ỨNG DỤNG CNTT

1. Tổng chi ngân sách cho ứng dụng CNTT (phần mềm, dịch vụ, tư vấn, chi khác) trong năm: 1.024 triệu đồng *(yêu cầu gửi kèm tài liệu kiểm chứng)*
2. Tổng số CBCCVC trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố được cấp hộp thư điện tử:
3. Tổng số CBCCVC trong các CQNN của huyện/ thị xã/ thành phố sử dụng thư điện tử trong công việc:
4. Tổng số thủ tục hành chính đã được tin học hóa: 324

Được tin học hóa từ 80% trở lên: X
Được tin học hóa 50%-80%:
Được tin học hóa dưới 50%:
Hoàn toàn chưa được tin học hóa:
5. Hệ thống an ninh – an toàn thông tin:

Hệ thống an ninh mạng: Có Không
Hệ thống sao lưu dữ liệu: Có Không
6. Triển khai các ứng dụng cơ bản:
 - PM quản lý văn bản và điều hành công việc: Có Không
 - Hệ thống một cửa điện tử: Có Không
 - PM quản lý nhân sự: Có Không

- PM quản lý Tài chính – Kế toán: Có Không
- PM quản lý tài sản cố định: Có Không
- PM ứng dụng khác (liệt kê các phần mềm ứng dụng trong chuyên môn nghiệp vụ, không tính các phần mềm thông dụng):

Phần mềm quản lý đất đai gồm có 03 phần mềm (Mcrostations, VLLig, Phamis); PM quản lý đăng ký và lập hồ sơ địa chính VILIS 2.0; PM Quản lý Chính sách Người có công, bảo hiểm xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo; PM quản lý hộ tịch, hộ khẩu; PM quản lý học sinh; PM quản lý tốt nghiệp THCS; quản lý cán bộ; PM quản lý thư viện, thiết bị.

7. Phần mềm có bản quyền:

- PM hệ điều hành có bản quyền:
 - + Windows XP: 0; Windows Vista: 0; Windows 7, 8: 3;
 - + Windows Server 2003:.....; Windows Server 2008: 2;
- PM văn phòng:
 - + MS Office 2000, 2003:..... ; MS Office 2007, 2010: 480.;
- PM khác:
 - + Bộ gõ tiếng Việt:
 - Tên PM: Unikey.....; Số lượng: 480....;
 - + Phần mềm diệt virus:
 - Tên PM: Bkav.....; Số lượng: 120....;

8. Phần mềm mã nguồn mở:

- PM hệ điều hành (Ubuntu, Debian, Fedora, Redhat...): 0
- Phần mềm văn phòng (Open Office): 0
- Bộ gõ tiếng Việt Unikey:..480.....
- Phần mềm duyệt web Mozilla Firefox:.....479...

9. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố có Website:

10. Công thông tin điện tử /Trang thông tin điện tử hoặc Website của huyện/ thị xã/ thành phố:

- ✓ Địa chỉ cổng thông tin điện tử hoặc Website của huyện/ thị xã/ thành phố: <http://hailang.quangtri.gov.vn/>
- Ban biên tập của Trang thông tin điện tử:
- Số lần truy cập: ~500 lượt/ngày
- Chính sách nhuận bút cho Ban biên tập:
- ✓ Tần suất cập nhật thông tin:
 - Hàng ngày Hàng tuần
 - Hàng tháng Không thường xuyên

11. Tỷ lệ thông tin chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo huyện/ thị xã/ thành phố được đưa lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử:

12. Tổng số dịch vụ hành chính công: 324

13. Tổng số dịch vụ công trực tuyến được UBND huyện/thị xã/thành phố cung cấp trên mạng (*cung cấp trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>*):

- Năm 2017, UBND huyện Hải Lăng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên hệ đại chỉ riêng tích hợp tại Trang thông tin điện tử huyện với 324 dịch vụ công mức độ 2.

- Năm 2018 đang làm việc với đơn vị xây dựng phần mềm để triển khai Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh .

E. MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH (*yêu cầu gửi kèm tài liệu kiểm chứng*)

1. Tổ chức chỉ đạo và triển khai ứng dụng và phát triển CNTT:

Có Không

2. Cơ chế chính sách ứng dụng và phát triển CNTT:

✓ Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT:

Dài hạn Ngắn hạn

Tên và trích yếu văn bản:

- Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước huyện Hải Lăng giai đoạn 2017 – 2020

- Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước huyện Hải Lăng giai đoạn 2017

✓ Cơ chế, chính sách riêng khuyến khích ứng dụng và phát triển CNTT:

Có Không

Tên và trích yếu văn bản: “Đề án ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước huyện Hải Lăng giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020”

✓ Chính sách phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển CNTT:

Có Không

Tên và trích yếu văn bản: “Đề án ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước huyện Hải Lăng giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020”

✓ Các quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ các cơ quan QLNN của huyện/ thị xã/ thành phố:

Có Không

Tên và trích yếu văn bản: Công văn về việc tăng cường ứng dụng CNTT và thực hiện việc gửi, nhận văn bản qua hệ thống mạng tin học

✓ Các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của các cơ quan QLNN của huyện/ thị xã/ thành phố:

Có Không

Tên và trích yếu văn bản: “Thông báo về việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc thay thế Kênh điều hành tác nghiệp”; “V/v tăng cường ứng dụng CNTT và gửi nhận văn bản qua hệ thống mạng tin học”

✓ Các chính sách bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan:

Có Không

Tên và trích yếu văn bản: “Tăng cường thực hiện công tác Văn thư-Lưu trữ”; “Kế hoạch công tác Văn thư, lưu trữ năm 2017”; “Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Hải Lăng”; “Kế hoạch Triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước huyện Hải Lăng giai đoạn 2017-2020”

✓ Chính sách thu hút các doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin của huyện/ thị xã/ thành phố

Có Không

3. Mức độ quan tâm của lãnh đạo huyện/ thị xã/ thành phố đối với việc ứng dụng và phát triển CNTT (đánh dấu vào một trong các ô sau):

Không quan tâm hoặc quan tâm rất ít Quan tâm ở mức trung bình
 Quan tâm ở mức khá Rất quan tâm

- Họ và tên người khai: Nguyễn Đức Lục
- Bộ phận công tác: Phòng Văn hóa và Thông tin
- Chức vụ: Chuyên viên
- Điện thoại liên lạc: 0944648357
- E-mail: nguyenducluc@quangtri.gov.vn

Người khai



Nguyễn Đức Lục

Hải Lăng, ngày 30 tháng 3 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Phước